

Số: 2410 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 10 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chương trình công tác năm 2015; và xây dựng chương trình công tác năm 2016.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2745/UBND-TH ngày 23/9/2015 về việc đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình công tác chủ yếu năm 2015 và xây dựng Chương trình công tác chủ yếu năm 2016, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2015

1. Thực hiện các nhiệm vụ trong chương trình công tác của UBND tỉnh

Thực hiện Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình công tác chủ yếu năm 2015; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015; Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số giải pháp chủ yếu điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2015, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý. Hoàn thành việc tham mưu xây dựng và trình ban hành các văn bản, chỉ thị, đề án, kế hoạch năm 2015. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại của tỉnh; Tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; xác định các việc trọng tâm của Sở, chỉ đạo và giao các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.

(Chi tiết như biểu 01 kèm theo)

2. Dự ước kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn năm 2015.

- Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản theo giá so sánh năm 1994 đạt 2.398,4 tỷ đồng, vượt 3,4% so với năm 2014, đạt 100,1% so với Kế hoạch; theo giá so sánh năm 2010 đạt 6.877,4 tỷ đồng, vượt 2% so với năm 2014.

- Tổng sản lượng lương thực cả năm ước 33,7 vạn tấn, đạt 101,6% kế hoạch (*trong đó: Sản lượng thóc 26,7 vạn tấn; sản lượng ngô 7 vạn tấn*).

- Cây màu: Diện tích cây lạc 4.357,5 ha, sản lượng 12.158,3 tấn đạt 103,1%KH; diện tích đậu tương 1.080 ha, sản lượng 1.892 tấn đạt 90,3%KH.

- Cây công nghiệp chè, mía: Diện tích cây chè 8.650 ha, trong đó diện tích cho thu hoạch 8.091 ha, sản lượng búp tươi 63.162 tấn đạt 101,5%KH; diện tích mía nguyên liệu 11.722ha đạt 86,4%KH và bằng 109,3% so với năm 2014.

- Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả chủ yếu 7.867 ha, đạt 110,8%KH, trong đó cây cam 5.411 ha, đạt 116%KH.

- Chăn nuôi, thủy sản: Tỷ lệ tăng đàn so với năm 2014 là: Đàn trâu tăng 1,6%, đàn bò tăng 2,5%, đàn lợn tăng 12%, đàn gia cầm tăng 6,8%. Sản lượng thủy sản 7.142 tấn đạt 100%KH.

- Trồng rừng: Tổng diện tích trồng rừng 14.436,6 ha đạt 103,1% kế hoạch (trong đó: Trồng rừng tập trung 13.866,8 ha; trồng cây phân tán: 569,8 ha).

- Độ che phủ của rừng đạt trên 60%.

- Tập trung thực hiện đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn, nâng tỷ lệ hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 75%.

- Thường xuyên kiểm tra, tu sửa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, đảm bảo quản lý và khai thác các công trình thủy lợi an toàn, hiệu quả. Tỷ lệ tưới chắc cả năm đạt 82,62% diện tích kế hoạch (tăng 0,4% so với năm 2015).

- Thường xuyên đôn đốc các huyện, thành phố thực hiện di chuyển ổn định dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm đến 30/9/2014 được 140/142 hộ, đạt 98,5% KH. Số hộ phát sinh ngoài kế hoạch đã di chuyển được 05/08 hộ.

3. Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tham mưu tổ chức thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2015; Triển khai Kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2011- 2015; đề xuất bố trí nguồn lực xây dựng nông thôn mới cho 3 xã bổ sung đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2015; hướng dẫn các huyện, thành phố và các xã điểm triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2015; tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới năm 2015¹. Đôn đốc, hướng dẫn 04 xã điểm và 03 xã đăng ký bổ sung đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung theo kế hoạch năm 2015; triển khai lập và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định². Đến hết tháng 8/2015 đã thực hiện giải ngân được 12.829 triệu đồng, đạt 14,3% KH giao, trong đó: vốn sự nghiệp 4.903/6.600 triệu đồng; vốn đầu tư phát triển 7.911/ 83.000 triệu đồng.

¹ Tổ chức được 20 lớp tập huấn cho 1.017 học viên, đối tượng là cán bộ cơ quan thường trực Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện, thành phố, Chủ tịch UBND xã và Trưởng Ban phát triển thôn của 60 xã trên địa bàn tỉnh.

² Xã Thượng Lâm huyện Lâm Bình đã được công nhận xã Nông thôn mới (Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh); xã Bình Xa và Kim Bình đang hoàn thiện hồ sơ; các xã còn lại (Năng Khả, Yên Nguyên, Trảng Đà, Hoàng Khai) dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2015.

4. Về triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Sở đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng, thẩm định và phê duyệt các kế hoạch, Đề án để triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các cấp, các ngành triển khai quyết liệt các cơ chế chính sách đến nhân dân; kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc ở cơ sở để giải ngân nguồn vốn cho nhân dân phát triển sản xuất. Nhu cầu đăng ký vay vốn hỗ trợ lãi suất để sản xuất hàng hóa là 300,2 tỷ đồng³; cho phát triển trang trại là 59,35 tỷ đồng⁴. Đến 30/9/2015 đã thực hiện giải ngân được 59.334,2 triệu đồng. Trong đó: Cho vay để sản xuất hàng hóa (*Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND*) là 37.874,2 triệu đồng. Cho vay phát triển kinh tế Trang trại (*Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND*) là 21.460,00 triệu đồng/60 trang trại.

6. Công tác đầu tư xây dựng và quản lý công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Tổ chức thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, dân sinh. Quản lý có hiệu quả nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí để thực hiện đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo hiệu quả, đúng quy định. Đầu tư xây dựng 04 công trình chuyên tiếp từ năm 2014; hỗ trợ cải tạo, sửa chữa 12 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm kê hiện trạng và xác định giá trị của các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 54 của Bộ Tài chính⁵; hỗ trợ xây dựng 200 giếng đào cho 200 hộ dân trên địa bàn 6 huyện trong tỉnh.

7. Đánh giá chung

Căn cứ kế hoạch, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các đơn vị thực hiện, Công tác hướng dẫn, chỉ đạo được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả; thực hiện tốt công tác đảm bảo sản xuất; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất tiếp tục được tăng cường; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện hiệu quả; hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cao hơn so với cùng kỳ năm 2014. Tuy nhiên vẫn còn khó khăn, hạn chế sau:

³ Huyện Lâm Bình: 45.350,0 triệu đồng; Huyện Na Hang: 51.350,0 triệu đồng; Huyện Chiêm Hóa: 12.817,8 triệu đồng; Huyện Hàm Yên: 117.533,0 triệu đồng; Huyện Yên Sơn: 27.360,0 triệu đồng; Huyện Sơn Dương: 43.030,0 triệu đồng; Thành phố Tuyên Quang: 2.800,0 triệu đồng.

⁴ Huyện Chiêm Hóa: 7.700,0 triệu đồng/17 trang trại; Huyện Hàm Yên: 23.700,0 triệu đồng/48 trang trại; Huyện Yên Sơn: 8.850,0 triệu đồng/20 trang trại; Huyện Sơn Dương: 19.100,0 triệu đồng/41 trang trại.

⁵ Đã tham mưu trình UBND tỉnh giao quản lý, sử dụng và khai thác được 24 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Thông tư 54, đã hướng dẫn các đơn vị quản lý công trình thực hiện công tác kê khai lần đầu, trong đó 21 công trình đã thực hiện báo cáo kết quả kê khai lần đầu;

- Mặc dù tổng diện tích mía tăng 1.001 ha so với năm 2014, tuy nhiên diện tích trồng mới, trồng lại cây mía nguyên liệu không đạt kế hoạch (đạt 86,4%; trong đó trồng mới 1.582,9/2.500 ha, đạt 63,3% KH; trồng lại 1.545,7/2.100 ha, đạt 73,6% KH); Nguyên nhân chủ yếu là do một số cây trồng khác cho thu nhập cao hơn cây mía, như: bưởi, chè, ... nên nhân dân đã chuyển đổi diện tích trồng; các thông tin về tình hình khó khăn của ngành mía đường trong nước làm suy giảm sức hút đầu tư trồng mía; chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu mía của công ty chưa đủ mạnh để thu hút nhân dân đầu tư mở rộng diện tích.

- Diện tích trồng cây đậu tương không đạt kế hoạch và có xu hướng ngày càng bị thu hẹp. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí phòng trừ dịch hại, chi phí lao động cao và hiệu quả kinh tế thấp hơn so với trồng ngô, lúa nên một số diện tích đã được người dân chuyển đổi sang trồng lúa, ngô, lạc...

- Kết quả tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng cho đàn lợn nái, lợn đực giống và đàn gia cầm vụ xuân hè đạt thấp so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do các hộ chăn nuôi gia cầm nhỏ lẻ, quảng canh chưa thực sự quan tâm tới việc tiêm phòng; do thời gian qua không phát sinh dịch bệnh trên đàn vật nuôi nên người chăn nuôi có tâm lý chủ quan trong công tác tiêm phòng.

- Tiến độ khai thác gỗ rừng trồng chậm (đến hết tháng 8/2015 mới khai thác 3.810 ha, sản lượng 394.924 m³, bằng 59,8 % KH). Nguyên nhân chủ yếu là: Hầu hết diện tích rừng trồng hình thành từ nguồn vốn của hộ gia đình (chiếm 85%)⁶, diện tích rừng có nguồn vốn của các nhà máy chế biến chiếm tỷ trọng rất thấp trong vùng nguyên liệu, vì vậy công tác điều hành khai thác theo kế hoạch còn có những hạn chế nhất định (theo quy định của quy chế quản lý rừng thì chủ rừng tự bỏ vốn trồng rừng sẽ quyết định thời gian khai thác, tự do lưu thông sản phẩm); giá thu mua gỗ nguyên liệu của các nhà máy, cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn còn thấp, chưa khuyến khích được nhu cầu khai thác⁷.

- Cơ chế hỗ trợ sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển trang trại đã được đông đảo nhân dân hưởng ứng, tuy nhiên công tác triển khai ở cơ sở, và việc thực hiện các bước thủ tục hỗ trợ còn chậm.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Việc triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình năm 2015 của một số xã còn chậm (xã Thượng Lâm, Ninh Lai chưa giải ngân). Việc lập, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình hạ tầng từ nguồn trái phiếu Chính phủ của một số xã chậm. Tiến độ giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện Chương trình năm 2015 đạt tỷ lệ thấp (đạt 9,53%).

⁹ Trong 8.800 ha rừng khai thác năm 2015: hộ gia đình, cá nhân chiếm 7.494 ha; doanh nghiệp 1.306 ha

⁷ Giá thu mua tại công nhà máy giấy An Hòa đối với loại đường kính đầu nhỏ từ 5 cm -7 cm: 750.000 đồng/tấn/m³; giá thu mua tại nhà máy giấy Bãi Bằng loại đường kính đầu nhỏ từ 6 cm -7 cm: 1.130.000 đồng/tấn/m³.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2016

1. Mục tiêu

Năm 2016, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hóa; đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân.

Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như sau:

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (theo giá so sánh năm gốc 2010) đạt 7.152,5 tỷ đồng. Trong đó: Nông nghiệp: 6.027,5 tỷ đồng; Lâm nghiệp: 910 tỷ đồng; Thủy sản: 215 tỷ đồng.

- Sản lượng lương thực 33,1 vạn tấn, trong đó thóc 26,2 vạn tấn, ngô 7,05 vạn tấn, trong đó: Lúa: Diện tích 44.181 ha, năng suất 59,5 tạ/ha, sản lượng 262.779 tấn; Ngô: Diện tích 15.265 ha, năng suất 46,2 tạ/ha, sản lượng 70.541 tấn.

- Chỉ tiêu một số cây trồng chính:

+ Lạc: Diện tích 4.204 ha, năng suất 28,6 tạ/ha, sản lượng 12.044 tấn.

+ Mía nguyên liệu: Diện tích 12.117 ha, năng suất 650 tạ/ha, sản lượng mía cây đạt 788.236 tấn.

+ Chè: Diện tích 8.687 ha (diện tích cho sản phẩm 8.254 ha), năng suất 78,4 tạ/ha, sản lượng chè búp tươi đạt 64.734 tấn.

+ Cây ăn quả: Duy trì diện tích các loại cây ăn quả hiện có. Trồng mới 145 ha Cam sành (Hàm Yên 130 ha, Chiêm Hóa 15 ha).

- Tổng đàn chăn nuôi: Đàn trâu 110.430 con, tăng 1,9% so với năm 2015; đàn bò 20.330 con, tăng 2,5% so với năm 2015; đàn lợn 626.000 con, tăng 6% so với năm 2015, đàn gia cầm 7.150,1 nghìn con, tăng 6,2% so với năm 2015; sản lượng thịt hơi các loại 57.750 tấn; sản lượng sữa tươi đạt 14.000 tấn.

- Diện tích nuôi thả cá 11.283 ha; sản lượng 7.349 tấn.

- Trồng rừng 10.500 ha; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 765.000 m³; khai thác tre nứa nguyên liệu 22.100 tấn; làm tốt công tác bảo vệ rừng, duy trì độ che phủ của rừng trên 60%.

2. Đề xuất các nội dung công việc chủ yếu thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong chương trình công tác năm 2015 của UBND tỉnh

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Tuyên Quang, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; các đề án, quy hoạch ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất 11 nội dung công việc trong chương trình công tác chủ yếu của UBND tỉnh năm 2016

(Chi tiết như biểu 02 kèm theo).

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Trồng trọt

Xây dựng kế hoạch sản xuất bảo đảm bố trí cơ cấu giống, thời vụ hợp lý từng cánh đồng, từng vùng sản xuất. Tập trung phát triển tăng diện tích, năng suất và phát triển thị trường đối với các cây trồng chuyên canh tập trung: Cây cam sành, cây mía, cây chè, cây lạc. Mở rộng diện tích gieo cấy các giống lúa chất lượng cao (*dự kiến 2016 gieo cấy khoảng 5,7 nghìn ha*). Đưa các giống ngô biến đổi gen vào trồng thử nghiệm và tiếp tục đưa các giống ngô lai có tiềm năng, năng suất cao vào sản xuất đại trà. Xây dựng mô hình sản xuất bằng giống mới, đồng thời đánh giá hiệu quả giống cây trồng đã sản xuất để chuyên đổi cơ cấu giống, bổ sung vào bộ giống chủ lực của tỉnh. Đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trong đó chú trọng mở rộng diện tích canh tác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới.

Về công tác bảo đảm sản xuất:

- Làm tốt công tác dự tính, dự báo và có biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng kịp thời; nâng cao nhận thức và hành động của người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường hệ thống khuyến nông làm tốt công tác hướng dẫn nông dân canh tác đúng kỹ thuật; tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi hiệu quả và làm tốt công tác phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, xây dựng các công trình cấp bách đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ; đầu tư xây dựng công trình thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích gieo cấy và tưới cạn cho vùng sản xuất hàng hóa đáp ứng mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Tuyên quang. Tổ chức quản lý các hoạt động đầu tư đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và tiến độ, chất lượng xây dựng công trình.

3.2. Chăn nuôi, thủy sản

Nhân rộng mô hình nông dân chế biến thức ăn chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp. Tiếp tục thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giống vật nuôi đến năm 2020 (*ban hành tại Quyết định số 680/QĐ-BNN - CN ngày 07/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)⁸. Bằng nguồn chính sách hỗ trợ của địa phương, tiếp tục hỗ trợ phát triển đàn trâu sinh sản, đàn trâu đực giống trên địa bàn tỉnh. Chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống thủy sản. Nâng cao năng lực sản xuất một số giống cá đặc sản bằng phương pháp sinh sản nhân tạo. Tiếp tục phát triển nghề nuôi cá lồng trên sông, hồ; chuyên dịch cơ cấu nuôi trồng theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các loài cá bản địa, cá đặc sản, cá thương phẩm cao sản có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng. Bằng nguồn chính sách hỗ trợ của địa phương, tiếp tục hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản hàng hóa, trọng tâm là nuôi bằng giống cá đặc sản, thực hiện nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP ở những nơi có điều kiện.

⁸ Năm 2015 thực hiện công tác quản lý đàn lợn đực giống và thức ăn chăn nuôi (*được giao kinh phí tại Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

3.3. Lâm nghiệp

Thực hiện nghiêm quy chế quản lý giống cây lâm nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra sản xuất, cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp; tập trung sản xuất cây giống, chuẩn bị diện tích đất để trồng rừng. Đầu tư chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô, đưa giống keo lai bằng phương pháp nuôi cấy mô vào trồng rừng đại trà rừng sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ. Tăng cường công tác hướng dẫn trồng rừng đúng quy trình kỹ thuật. Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật xây dựng rừng gỗ lớn; thực hiện quản lý rừng bền vững và hoàn thiện thủ tục cấp chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn quốc tế FSC.

Thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo Phương án tổng thể được duyệt. Rà soát, đề xuất UBND tỉnh Phương án quản lý các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh, theo hướng: quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các cơ sở chế biến gỗ phải gắn với vùng nguyên liệu; không xuất khẩu trực tiếp dăm gỗ.

Củng cố các chốt, trạm, bố trí lực lượng làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và tuyên truyền, cảnh báo phòng cháy chữa cháy rừng. Tiếp tục nâng cao năng lực của lực lượng kiểm lâm, phát huy vai trò trách nhiệm trong công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng.

3.4. Đẩy mạnh khoa học công nghệ vào sản xuất

Thực hiện có hiệu quả các chính sách về khoa học công nghệ, đồng thời hợp tác công tư để đẩy mạnh khoa học công nghệ vào sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh: (1) Chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô cho sản xuất giống cây lâm nghiệp và xây dựng rừng gỗ lớn; (2) Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tuyển chọn, phục tráng và sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh; (3) Nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật canh tác giảm chi phí, nâng cao hiệu quả thu nhập, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; (4) Xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu cho các nhà máy chế biến theo tiêu chuẩn trong nước (VietGAP), tiêu chuẩn quốc tế (*chè theo tiêu chuẩn SAN của tổ chức Rain Forest - Alliance; tiêu chuẩn quản lý gỗ rừng trồng theo chuẩn FSC*), đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đẩy mạnh mối liên kết "4 nhà", trong đó các nhà máy chế biến đổi mới dây chuyền công nghệ, phát triển liên kết với nông dân sản xuất nông lâm nghiệp theo tiêu chuẩn đặt hàng của đối tác, nhà nước giữ vai trò hỗ trợ.

3.5. Phát triển liên kết hợp tác sản xuất hàng hóa

Đẩy mạnh hợp tác công tư để hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp tục phát triển mối liên kết sản xuất bền vững với nông dân trong vùng nguyên liệu được quy hoạch: Các nhà máy thực hiện minh bạch, cải cách chính sách hỗ trợ nông dân; xác định dự án ưu tiên, huy động nguồn lực đầu tư phát triển vùng nguyên liệu. Nhà nước hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, lãi suất vốn vay, xúc tiến thương mại... thông qua các chương trình.

Tiếp tục nâng cao năng lực của các Hợp tác xã, mở rộng các ngành nghề dịch vụ hoạt động hiệu quả, đảm nhiệm tốt vai trò đại diện của nông dân trong chuỗi giá trị hàng hóa. Hỗ trợ nhà máy xây dựng phương án phát triển sản xuất theo Tổ hợp tác, Hợp tác xã sản xuất nguyên liệu theo vùng nguyên liệu được duyệt.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của tỉnh, của Chính phủ về ưu đãi khuyến khích sản xuất hàng hóa xây dựng cánh đồng lớn; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế Hợp tác xã.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh; báo cáo
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT; KH-TC.

GIÁM ĐỐC



Lê Tiên Thắng

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2015 CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 2410/BC-SNN ngày 7/10/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì, tham mưu, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện				Kết quả thực hiện			Ghi chú	
				Trình UBND tỉnh	Trình cấp ủy và ban hành	Trong đó nội dung xin ý kiến		Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Nguyên nhân chưa hoàn thành hoặc ý kiến, kiến nghị đề xuất		
						TT Tỉnh ủy	BTV Tỉnh ủy					
1	Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 4/2015	Tháng 5/2015	x	x	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 14/7/2015				
2	Đề án bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 12/2015				Đã trình UBND xin chủ trương thực hiện	Đang xây dựng dự thảo Đề án	Chưa Thông hướng dẫn	Chưa có tư vấn	Chưa tới hạn hoàn thành
3	Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và đẩy nhanh tiến độ, chất lượng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 4/2015				UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 01/4/2015				
4	Chỉ thị về công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh động vật năm 2015	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 3/2015				UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 02/3/2015				
5	Chỉ thị về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2015	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 4/2015				UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 13/4/2015				

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì, tham mưu, tổng hợp	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện				Kết quả thực hiện			Ghi chú
				Trình UBND tỉnh	Trình cấp ủy và ban hành	Trong đó nội dung xin ý kiến		Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Nguyên nhân chưa hoàn thành hoặc ý kiến, kiến nghị đề xuất	
						TT Tỉnh ủy	BTV Tỉnh ủy				
6	Chính sách hỗ trợ sản xuất vụ đông trên chân ruộng 2 vụ	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 7/2015				UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 08/8/2015			
7	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan	Tháng 5/2015	Tháng 6/2015			UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 21/6/2016			
8	Quyết định ban hành quy định về mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 10/2015				UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015			
9	Quy hoạch tổng thể bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các sở ban ngành liên quan	Tháng 10/2015				Đã hoàn thiện báo cáo thuyết minh quy hoạch.	Đang trong quá trình xin ý kiến UBND các huyện, các ngành có liên quan để hoàn thiện		Chưa tới hạn hoàn thành

DANH MỤC

**Đề xuất các nội dung công việc trong Chương trình công tác chủ yếu của UBND tỉnh năm 2016
(Thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)**

(Kèm theo báo cáo số 2410/BC-SNN ngày 7/10/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Trình UBND tỉnh	Trình cấp ủy và ban hành	TT Tỉnh ủy	BTV Tỉnh ủy
1	Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 9/2016	Tháng 11/2016	Tháng 10/2016	Tháng 10/2016
2	Quy hoạch xây dựng và phát triển Thủy lợi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 9/2016	Tháng 11/2016	Tháng 10/2016	Tháng 10/2016
3	Quy hoạch phát triển Thủy sản tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 9/2016	Tháng 11/2016	Tháng 10/2016	Tháng 10/2016
4	Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển nông lâm nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 2/2016	Tháng 3/2016		
5	Kế hoạch thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2016 - 2020.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 4/2016	Tháng 5/2016		
6	Đề án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 2/2016	Tháng 3/2016	Tháng 3/2016	Tháng 3/2016
7	Đề án tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại hàng hóa nông, lâm, thủy sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 6/2016	Tháng 7/2016	Tháng 7/2016	Tháng 7/2016

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Trình UBND tỉnh	Trình cấp ủy và ban hành	TT Tỉnh ủy	BTV Tỉnh ủy
8	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ giống ngô trồng lấy hạt, ngô thức ăn gia súc trên ruộng 2 vụ lúa vụ Đông năm 2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 6/2016	Tháng 7/2016		
9	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 2/2016	Tháng 3/2016		
10	Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh động vật năm 2016	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 2/2016	Tháng 3/2016		
11	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Tháng 8/2016	Tháng 9/2016		